

phương bấy giờ, nhưng óc vô thần phát triển quá độ và có vẻ đi xa hơn dự tính cho nó vì vậy Thông linh học được khai sinh để giảm bớt phần nào tính vô thần.

Giải thích thêm thì nhiều người vô thần tin tưởng mạnh mẽ rằng không có Thượng đế, linh hồn, hay đời sống sau khi chết. Theo họ thì chết là... hết chuyện. Nhìn về mặt huyền bí học quan điểm này cho ra kết quả không thuận lợi chút nào khi họ qua đời, nếu ai đó nhất quyết bác bỏ việc có sự sống ở bên kia thì sau khi rời bỏ xác thân, họ sẽ say ngủ trong lớp vỏ hay hình tư tưởng do chính mình tạo ra, hoàn toàn bị cắt đứt với tâm thức của linh hồn trên cao cũng như khung cảnh chung quanh cho tới khi hình tư tưởng ấy tan rã. Đó là karma của đầu óc khăng khăng không tin, và thường khi sự bác bỏ này là nhân quả của việc lạm dụng hiểu biết huyền bí trong quá khứ. Vào thế kỷ 19 con số người duy vật đi quá trốn thuộc loại này tăng lên, khiến theo quan điểm của Chân sư thì để Thông linh học phát triển là điều nên làm. Say ngủ nhiều năm là việc vô ích và uổng phí thời gian, làm trì trệ đáng kể sự tiến bộ; mà nhiều linh hồn tự tạo cho mình điều ấy thường không phải là người tiến hóa thấp, họ có thể rất hữu dụng ở cõi cao nên tình trạng này tránh được chừng nào tốt chừng ấy. Nếu con người muốn ngoan cố thì tốt hơn để họ ngoan cố về chuyện có thể giúp họ hơn là chuyện có thể ngăn trở họ. Thuyết duy vật sẽ không hề giúp cho cá nhân hay nhân loại được hạnh phúc và tiến bộ, nhưng Thông linh học có thể làm được cả hai việc này.

Nguyên nhân gần khác là đức Di Lạc hay đức Chúa, do thấy trước việc sẽ có hai thế chiến I và II, muốn có một phong trào có thể mang lại an ủi cho người còn sống theo cách mà Thiên chúa giáo không làm được. Linh mục và mục sư tuy giảng về cõi thiên đàng và sự tái hợp với người mà ta thương mến, nhưng chưa vị nào đã qua cõi thiên đàng và trở về kể chuyện mắt thấy tai nghe cho tín đồ hay làm bằng chứng cho lời thuyết giảng của mình. Khi gặp tai biến như hai thế chiến, con người không còn thỏa mãn với lời hứa mơ hồ mà muốn có bằng chứng hiển hiện là họ có thể liên lạc với thân nhân đã qua đời. Rồi ta phải kể đến hàng ngàn kẻ đau khổ vì mất người thân mà tôn giáo và tín điều mất sức hấp dẫn với họ. Vì thế mà có phong trào Thông linh học cũng rất nhiều sách vở nói về đời sống sau khi chết không theo quan điểm của tôn giáo, trong đó có hai quyển mà PST đã cho đăng là 'Bài Học Nhân Quả' và 'Hành Trình một Linh Hồn', nay mang lên website này. Sang cuối thế kỷ 20 ta có một loạt sách khác nói về kinh nghiệm cận tử (near death experience), tức là nỗ lực khác nhằm ngăn chặn thuyết duy vật và đưa bằng chứng về cõi vô hình, sự sống bất tử. Nói chung nhiều người thấy những sách loại này đáng tin, nó làm họ suy nghĩ và khiến họ tìm hiểu sâu xa hơn. Về điểm này vị Chân sư nói ở trên cũng đóng vai trò tích cực, trong nhiều trường hợp ngài gieo vào trí của thi sĩ và văn sĩ ý tưởng triết lý cao đây thì vị để những người này diễn đạt lại theo khả năng của họ qua thơ văn.

Lời Đồn Đãi.

HPB du hành luôn từ năm rời Nga 1849 cho đến 1873. Đặc điểm những chuyến đi này không phải là du lịch mà là tìm hiểu về hoạt động huyền bí, cùng học hỏi chuyện tâm linh ở các nơi trên thế giới. Helena gặp người da đỏ tại Mỹ châu, tới những nơi xa xôi vắng vẻ của nam Mỹ, sang Ấn Độ và Tibet vài lần, đi tới cả Cam Bốt. Có vẻ như đây là giai đoạn chuẩn bị cho việc làm sau này của Helena khi thành lập hội. Trên đất Mỹ hoạt động của Helena bước sang giai đoạn khác và có tính chất khác, không kém phần ly kỳ lạ lùng như đoạn đời của cô trước 1873. Do việc làm của mình HPB bị một số người chỉ trích và họ tìm cách hạ uy tín của bà như làm lan truyền những chuyện không có thật. Vì vậy trước khi tiếp chuyện của Helena tại New York, ta ngưng tại đây một chút để nói tới các đồn đãi về HPB trong giai đoạn trước 1873.

Gia đình của Helena là nạn nhân trực tiếp của lời đồn đãi vì họ thuộc dòng dõi quý tộc có địa vị trong xã hội Nga (ông ngoại, chú, bác, cậu là tướng, em họ Helena về sau là bộ trưởng rồi thủ tướng đầu tiên của Nga:

Sergei de Witte với mẹ của Sergei là Catherine em gái của mẹ Helena). Việc cô nhiều năm ở ngoài nước xa nhà, du hành những chỗ hẻo lánh xa cách thế giới văn minh cho người ác ý cơ hội để thêu dệt điều không thật về Helena. Bà di Nadyezhda viết:

- Thân quyến của HPB rất ngạc nhiên và đau lòng khi đọc những bài nói là tiểu sử của Helena, ghi rằng cô được giới thượng lưu sang trọng lẫn giới hạ lưu thấp kém (hàm ý làm điểm) biết đến ở Vienna, Berlin, Warsaw và Paris, gán ghép tên của Helena với sự việc và chuyện kể tại những thành phố ấy vào lúc mà gia đình có bằng chứng rất rõ là cô ở xa Âu châu. Những chuyện kể này nói luông tuông về Helena, cho cô đủ các tên như Julie, Nathalie v.v., thấy ngay đó là những người khác có cùng một họ Blavatsky.

Đổi ngược lại thì ngay trong lúc HPB còn sống và sau khi bà qua đời, nhân chứng từng gặp bà trong những cuộc du hành ở Âu, Á và nam Mỹ lên tiếng, đưa ra bằng cứ hỗ trợ cho những gì HPB viết về hoạt động của mình trước 1873. Người đồng thời đã gặp Helena tại Cairo nay cư ngụ tại New York và tiếp tục liên lạc khi cô tới đây, viết:

- (HBP bị nhầm lẫn với nhiều người) Chỉ mới tuần qua (1877) tôi nhận được thư từ Aden, Arabia, hỏi bà Blavatsky viết bộ Isis có phải là bà Blavatsky thật sự có nhiều người quen biết ở Cairo mấy năm về trước hay không, vì người bạn cho hay là bà Blavatsky thật sự đã qua đời ở Aden năm 1868. Chuyện nhầm lẫn này vỡ lẽ khi nữ bá tước Lydia de Pashkoff, người du hành nhiều năm và là hội viên của Geographical Society of France, biết một phụ nữ tên Nathalie Blavatsky mất tại Aden. May mắn là nữ bá tước cũng biết HPB, từng gặp bà tại Syria, Ai Cập và nhiều nơi khác ở đông phương.

Năm 1875 người khác viết cho ông Olcott rằng năm 1873 họ qua Paris học đại học và quen biết Helena ở đó. Khi ấy Helena cư ngụ tại nhà của một người bà con, và người Mỹ này thường lui tới nhà người bà con đó của Helena để thăm viếng gần như là hằng ngày, dành nhiều thời gian để trò chuyện với cô ngoài giờ học do đó quan sát được sinh hoạt của Helena tại Paris. Họ kể bà dùng thì giờ để vẽ và viết, ít khi ra khỏi nhà. Nhân vật này cho biết rất quý chuộng Helena, tư cách của cô đáng trọng và một trong những thiếu phụ đặc sắc nhất họ được biết. Khi Helena sang Hoa Kỳ năm 1873 và sau đó nhân chứng trở về Mỹ, đôi bên tiếp tục liên lạc và duy trì tình thân.

Lời vu khống khác nói Helena có nhiều người tình, có ba con và bé trai Yuri là kết quả của một trong những liên hệ đó. Trong khi ấy văn khố của hội tại Adyar còn tài liệu là sổ thông hành năm 1862 cấp cho "người vợ của ông Blavatsky và Yuri được hai ông bà bảo hộ". Mặt khác phản ứng của HPB là ý kiến mạnh mẽ rằng đoạn đời trước 1875 khi thành lập hội là chuyện riêng của mình, không là chuyện của ai khác, và cũng vì có lắm sự việc diễn ra trong thời gian ấy liên quan đến nhiều người nhất là gia đình tại Nga, cô sẽ không phơi trần mọi sự hay đưa ra giải thích nào. Nó chỉ gây thương tổn thanh danh những ai vô can, thí dụ cha mẹ của Yuri và thân nhân mà cô rất yêu quý.

Ta không khỏi tránh được nụ cười khi nhìn lại sự việc, Helena hứa danh dự với cha mẹ Yuri là nhận trẻ làm con và thề thốt lắm lần với mọi người rằng Yuri là con mình để làm họ tin (ngoại trừ gia đình cô vì họ biết sự thực, biết cha mẹ của Yuri). Nay nếu muốn đính chính thì phải nói ngược lại, xúc phạm đến người đã khuất là điều cô không muốn, tóm tắt là Helena há miệng mắc quai. Bởi tính khí ngang tàng, luôn nói thẳng ý nghĩ của mình không che dấu, Helena viết cho thân hữu là ai muốn nghĩ sao thì nghĩ về lời đồn đãi, mình cóc cần (I don't care!).

Năm 1890 tờ báo New York Sun cho đăng những chi tiết không thật này do kẻ thù của HPB cung cấp cùng nhiều vu khống khác. HPB nộp đơn kiện việc phỉ báng nhưng trong khi chờ xử thì bà qua đời năm 1891. Theo luật vụ kiện tự động hủy bỏ và tờ báo không còn sợ có tranh cãi gì, nhưng ngày 26-9-1892 tờ Sun làm việc đáng khen là tự ý đăng trong mục xã luận lời xin lỗi sau:

- Trên một trang khác trong báo hôm nay chúng tôi cho đăng bài của ông W.Q.Judge về cuộc đời kỳ lạ, khác thường của bà Helena P. Blavatsky thuộc hội Theosophia. Nhân dịp này chúng tôi xin ghi là ngày 20-7-1889 chúng tôi đã bị dẫn dụ sai lạc để đăng một bài của tiến sĩ E.F.Coues có chứa đựng nhiều cáo buộc về tư cách của bà Blavatsky và những người theo bà. Các cáo buộc nay được thấy là không có căn bản vững chắc, chúng tôi muốn thưa rằng không có chứng cứ nào cho các cáo buộc ấy và lẽ ra phải không đăng.

Một điểm cần lưu ý khi xem xét tài liệu của chính HPB để viết lại đời bà, là có lúc bà dấu địa danh chỉ viết ... trong thư từ liên lạc, hay thay nơi chốn thật bằng một tên khác nên ta không thể có sự chính xác hoàn toàn. Lý do của sự che dấu này là đôi khi việc liên hệ đến các Chân sư thí dụ như nơi ẩn cư hay hoạt động của các ngài, và HPB không muốn lộ cho thế giới biết chỉ gây phiền toái.

Ta cũng không thể dựa vào những chuyện HPB viết (thí dụ *From the Caves and Jungles of Hindostan*) để ấn định thời điểm, nơi chốn, nhân vật chính xác, vì HPB bảo rằng tuy sự kiện trong chuyện đúng thật, nhưng bà dùng quyền tưởng tượng của nhà văn để gộp chuyện mười năm trước vào cùng với chuyện mười năm sau thành thứ tự liên tục, có mạch lạc xuôi chảy hợp lý ! hoặc tô điểm chi tiết hoa lá cành, nói nôm na là thêm mắm muối để làm chuyện hấp dẫn.

Kế đó, nhân vật Sergei de Witte cũng nên được nói thêm cho rõ. Nhiều sách vở về HPB lấy tài liệu từ sách của ông *Memoirs of Count Witte*, nhưng có thắc mắc nêu ra về tính xác thực của chi tiết trong sách, và ngay cả tính xác thực của tác giả, tức không biết tác giả có thực là bá tước Witte hay ai khác. Bởi sách xuất bản năm 1921 sau khi ông đã qua đời, theo bản thảo mà chữ viết không phải đều là chữ của ông. Người ta nghi ngờ rằng đó là thời chế độ cộng sản tại Nga vừa cầm quyền, họ có thể muốn làm hạ uy tín các nhân vật thuộc chế độ cũ của Nga hoàng, do đó không chùng đã sửa đổi hời ký của bá tước Witte. Nhiều chi tiết trong sách sai lạc một cách phi lý trong khi người ta có thể dễ dàng kiểm chứng, như nói rằng hội được thành lập tại Anh và sau đó HPB cư ngụ tại Paris cùng qua đời ở nơi ấy.

Chót hết, hai nguồn tài liệu khác về HBP cũng bị đánh dấu hỏi về tính xác thực, đó là hai loạt thư nói rằng do HPB viết, một mang tên *The Dondoukoff-Korsakoff Letters*, và loạt kia trích đăng trong sách *A Modern Priestess of Isis* của tác giả Solovioff. Tác giả Fuller chứng minh trong sách *HPB and Her Teachers* rằng chúng giả mạo, với nội dung nhằm hạ uy tín của HPB, lối viết không phải là cung cách của HPB, cũng như có mờ ám trong việc thư được rao bán trong thị trường sách hiếm. Thư được tạo ra để bán cho kẻ thù của bà sau khi bà qua đời, nhưng không nhà buôn bán sách hiếm nào chịu mua vì họ nghi ngờ xuất xứ. Rốt cuộc hội được mời chào mua thư và cuối cùng được tặng không. Bởi thiếu kinh nghiệm về mặt này hội tưởng là thư thật, sử dụng chúng và in thành sách tức cuốn hai *HPB Speaks*. Chuyện chưa chấm dứt ở đây, vì quyển này được nhiều người sử dụng để viết về HPB, trong đó có sách *When Daylight Comes* của Howard Muffet. Vì vậy bạn đọc nên lưu ý.

Còn thư trong *A Modern Priestess of Isis* thì sách được xuất bản sau khi HPB qua đời do đó không thể đối chất. Chỉ có lời của tác giả Solovioff nói rằng thư do HPB viết, mà ông không thể đưa bản chính để chứng thực cũng như không có bản sao. Hoàn toàn không có tờ nào cho ta cầm lấy mà chỉ có chữ in trong sách. Một nhân vật đương thời là tiến sĩ A.L.Rawson từng quen biết với bà viết sau khi bà mất là:

- Bà Blavatsky là nạn nhân của lời phỉ báng độc ác trong nhiều năm nhưng bà bắt buộc tôi phải giữ yên lặng trong khi một lời là đủ để thanh minh cho bà.

CHƯƠNG VI

New York.

Helena sang New York tháng 7-1873 gần như không có đồng xu nào, cũng từ đây bà yêu cầu thân hữu gọi mình là HPB nên ta sẽ dùng chữ này trong bài. Trước khi rời Pháp HPB có cho cha hay và dặn gửi tiền cho mình tại tòa lãnh sự Nga ở New York, nhưng khi tới hỏi thì được trả lời là không có thư gì của đại tá Hahn cho con gái. Sự việc là đại tá Hahn qua đời ngày 15-7, cũng như sau đó gia đình chờ xong thủ tục pháp lý mới chuyển phần gia tài của HPB sang Mỹ cho bà vào tháng 10. Nó có nghĩa HPB gặp khó khăn tài chính trong thời gian đó. Để sinh sống HPB làm hoa giả, vẽ mẫu quảng cáo và ngụ tại nhà trọ ít tiền dành cho phụ nữ. Khi nhắc lại khoảng đời này HPB luôn tỏ ý biết ơn những người đã cho bà việc làm, mà cũng nhờ vậy ta có được các nhân chứng trong nhà trọ nói về con người HPB. Họ mô tả HPB tỏ ra uy lực, bà biểu lộ cho thấy có tài về trang trí, hội họa và âm nhạc và khi có ai hỏi thì nói rõ quá khứ của họ khiến người hỏi rất khâm phục. Người ta cũng chứng kiến khả năng siêu hình của HPB, cho ra nhận xét về con người của HPB giống như quan sát của những người khác về sau là ăn nói thẳng thắn, không biết sợ và sẵn lòng bênh vực người yếu thế.

Khi có người muốn nhờ HPB tiếp xúc với thân nhân đã qua đời, HPB bảo là chuyện ấy bất khả vi thân nhân nay thuộc về những việc cao hơn và ở ngoài tầm liên lạc. HPB tỏ ra không hề để bụng chuyện cá nhân, người chung quanh thấy bà có thể tỏ ra bất bình, tức giận nhưng không hề nhắm tới người hay vật riêng rẽ mà có tính vô tư. Họ nói lên đặc tính của HPB là không kiêng nể một ai hay điều gì, khi có trái ý thì bà mạnh mẽ bày tỏ ý kiến làm người khác kinh ngạc.

HPB qua New York mang theo một khoản tiền lớn, nó được dành cho chuyện mà bà không biết nên cho dù túng quẫn, bà vẫn không sử dụng số tiền. Không lâu sau đó HPB được lệnh đi Buffalo mà không biết để làm chi. Khi đến thành phố này bà được trao số tiền cho người tại địa chỉ nọ, không cần giải thích mà chỉ cần lấy biên nhận và ra về. HPB làm y vậy thì thấy đó là một người đàn ông tại địa chỉ trên, đang ở trong tình trạng tuyệt vọng. Bà đến lúc ông đang viết thư vĩnh biệt gia đình, bên cạnh có khẩu súng để sẵn cho ông tự sát sau đó nếu không nhờ HPB đến. Về sau HPB nói rằng có vẻ như người đàn ông rất đáng quý trọng này bị lường gạt mất số tiền trên mà ông cần cho việc dẫn đến những biến cố quan trọng trên thế giới. Do đó số tiền cần được hoàn lại cho ông trong cuộc khủng hoảng này và bà là tác nhân được ủy thác phần việc ấy.

Nhận được phần gia tài của gia đình gửi qua vào tháng 10-1873 HPB dùng số tiền đầu tư vào nông trại nuôi gà, hùn chung với người khác và tới sống ở trang trại này vào tháng 7-1894. Tuy nhiên có sự lường gạt trong việc hùn hạp, HPB bỏ kế hoạch mở trại gà lấy trứng mà trở về New York nhờ pháp luật phân xử, thu lại được phần vốn đã ứng ra. Thời gian này có vẻ như không định hướng trong việc làm của HPB, nhưng nhìn theo khía cạnh khác thì nó là sự chờ đợi thời điểm thuận tiện, tụ họp các nhân vật và cơ hội cần thiết tức sự xuất hiện của ông Olcott và những buổi cầu hồn ở trang trại Eddy. Bởi ông Olcott từ đây có sinh hoạt gắn liền với HPB và với hội, trước khi tiếp tục chuyện ta cần trình bày thân thế để hiểu rõ vai trò và sự đóng góp lớn lao của ông cho hội.

Henry Steel Olcott

Ông gốc người Anh, gia đình lập nghiệp tại Hoa Kỳ được khoảng tám đời tính đến ông, theo đạo Tin lành phái Methodist. Ông sinh ngày 2-8-1832, khi đang theo học ngành canh nông tại đại học Columbia thì thương

ng nghiệp của ba ông thất bại, khiến ông phải bỏ dở việc học. Ông về làm việc ở trang trại tại Ohio, đọc sách về thuật thôi miên, thực tập và thấy mình có khả năng làm giảm đau cho người khác nhờ thuật. Ông thực hiện một số phương pháp mới về canh nông khiến được biết tiếng, chính phủ Hy Lạp mời ông dạy ngành canh nông tại Athens năm 23 tuổi nhưng ông từ chối. Thay vào đó ông mở trường canh nông tại Mount Vernon, sang Âu châu nghiên cứu về ngành này, viết sách do đại học Yale xuất bản về canh nông. Ông cũng viết những bài báo về ngành của mình, nhưng mở rộng công việc ký giả sang những phạm vi khác, như đến tận chỗ tường thuật về các biến cố của miền nam trong những ngày trước cuộc nội chiến Nam Bắc của Hoa Kỳ. Ông lập gia đình năm 1860, hai ông bà có hai con trai nhưng bởi không cùng xu hướng nên về sau cuộc hôn nhân tan rã.

Năm 1861 nội chiến xảy ra, ông nhập ngũ vào quân miền bắc chủ trương bãi bỏ chế độ nô lệ. Ông được chỉ định vào ngành truyền tin, sau đó mắc bệnh sốt rét và kiết lỵ nên phải giải ngũ, nhưng rồi được giao cho việc điều tra nạn đầu cơ trong quân nhu của bộ binh làm công quỹ bị thiếu hụt nặng, được phong cấp bậc đại tá. Thượng cấp tỏ ra rất hài lòng với kết quả và khi hải quân mở cuộc điều tra tương tự, bộ trưởng hải quân hỏi mượn ông từ bộ binh để làm việc ấy. Khi tổng thống Lincoln bị ám sát thiệt mạng ngày 14-8-1865, bộ trưởng chiến tranh cho triệu hồi và chỉ định ông vào tiểu ban ba người để điều tra vụ ám sát. Sau đó ông tốt nghiệp luật năm 1868, bắt đầu hành nghề này tại New York chuyên về những vụ liên quan đến quan thuế, thuế và bảo hiểm với thân chủ là thành phố New York, thị trường chứng khoán New York, các hãng bảo hiểm, ngân hàng, công ty hỏa xa Panama và xưởng thép của Anh United Steel Manufacturers of Sheffield.

Nghề nghiệp thành công nhưng cuộc hôn nhân không hạnh phúc, vào thời điểm của chuyện (1874) ông đang sống riêng tại New York trong khi chờ hoàn tất thủ tục ly dị. Vào tháng 7-1874, lúc ngồi ở văn phòng trợ vợ vẫn nghĩ tới một hồ sơ đang lo cho thành phố New York về việc đặt đồng hồ nước, ông lan man nhớ rằng đã mấy năm chưa theo dõi phong trào Thông linh học. Cảm nghĩ ngày càng mạnh khiến ông ra phố tới sạp báo mua tờ báo chuyên về sinh hoạt này, đọc trong báo có tin nói một nông trại ở Chittenden thuộc tiểu bang Vermont có vong linh hiện hồn với hình thể đặc. Đây là nông trại của gia đình Eddy với hai người đồng chính yếu là anh em William và Horatio.

Ông lấy xe lửa đi ngay, ở lại trại vài ngày quan sát rồi phải trở về New York lo việc văn phòng. Tới tháng chín ông xuống trại lần nữa, viết bài cho báo mô tả sự việc. Ông đi Vermont lần thứ ba vào 14-10, ghi lại trong hồi ký rằng đó là ngày nắng đẹp, cây cối đổi màu lúc chớm thu khiến phong cảnh với lá vàng óng và đỏ rực trông giống như trải thảm lông lấy của triều vua. Bước vào trại, một người trong số các khách đến xem hiện tượng làm ông chú ý. Đó là một phụ nữ mặc áo đỏ, tóc mượt như tơ, dầy, màu vàng dợn sóng đến tận chân tóc như lông tru, nói tiếng Pháp với người bạn cùng đi với bà. Vì vậy khi thấy bà lấy ra điều thuốc, ông bước tới đưa ra bật lửa mời thuốc cho bà và nói:

- *Permettez moi, Madame.*

Nhớ lại lần đầu gặp gỡ ấy, nhiều năm sau ông Olcott nhận xét là công việc chung của ông và HPB bắt đầu bằng khói nhưng khuấy động lên ngọn lửa vĩ đại không ngừng. Ấn tượng đầu tiên của ông về cuộc nói chuyện là ông chưa hề gặp ai đặc sắc và lạ lùng như thế. Ông tả bà có gương mặt rộng nhưng đầy uy lực, thanh nhã và đường bệ khác hẳn những khuôn mặt bình thường trong phòng. Sự thu hút giữa hai vị nằm ở điểm họ có phần việc chung phải làm, ông Olcott luôn nhấn mạnh rằng ngay từ thuở ban đầu người này không hề nhìn người kia như kẻ khác phái, họ chỉ là bạn và tình cảm của ông đối với bà giống như đối với một người đàn ông khác, hơn là đối với một phụ nữ. Ông thêm rằng về ngoài, cách ăn nói và hành động nói rõ HPB không có phái tính. Tới cuối tuần ông gọi HPB với tên thân mật là Jack.

HPB lưu tại trại Eddy hai tuần nhưng ông Olcott ở tới tháng 11 mới về New York, mỗi tuần hai lần ông

viết bài tường thuật cho báo tại New York. Từ khi HPB dự những buổi cầu hồn, có nhiều vong linh hiện ra hơn chỉ vì bà tạo ra chúng để thí nghiệm mà người khác kể cả ông Olcott không hay, vì bà không nói cho ai rõ. Bà viết:

- Hình hiện ra không phải là chúng có rằng người ấy đã qua đời, vì tôi tạo nên những hình của người mà tôi tin đã khuất vào lúc đó, nhưng về sau biết ra là họ vẫn còn tại thế. Tôi tạo ý tưởng trong trí, nó giống như cái khuôn hình dạng của người và được tung vào thể tinh cảm của người đồng. Trong những buổi cầu hồn đó tôi không hề gặp được vong linh ai tôi muốn gặp, mà chỉ trong giấc mơ hay trong linh ảnh tôi mới được tiếp xúc trực tiếp với thân nhân ruột thịt và bạn hữu, những ai có tình thương tinh thần mạnh mẽ với tôi. Vì những lý do về từ lực, vỏ (shells, tức thể tinh cảm bị bỏ lại lúc con người thật rời cõi tinh cảm lên cõi cao hơn) của người thương yêu ta rất nhiều sẽ không đến với ta, ngoại trừ một thiểu số rất ít. Họ không cần làm thế vì trừ phi là người rất đổi xấu, họ có chúng ta trong cõi Devachan chung quanh họ, có đối tượng là những ai mà họ thương yêu lẫn những đấng họ tôn thờ, kính mến.

Vỏ một khi tách rời khỏi linh hồn không có điểm chung nào với cái sau. Nó không bị thu hút về người thân hay bạn bè mà về những ai nó có ái lực mạnh nhất về thể chất, nhục dục. Như thế vỏ của người nghiện rượu sẽ bị lôi cuốn về ai nghiện rượu hay có sẵn lòng ham thích uống rượu. Trong trường hợp đó cái vỏ sẽ làm nảy nở ham thích này, bằng cách dùng thể của người sống làm thỏa mãn thêm khát của nó, và ai qua đời lúc còn đầy ham muốn tinh dục với người tình còn sống thì cái vỏ sẽ bị thu hút về người sau.

Vỏ là rác thải ra ở cõi tinh cảm, nó không lên được cõi cao cùng với linh hồn. Tôi thường kinh hãi và ghê sợ thấy vỏ tách khỏi thể tinh cảm của người đồng, khoác lấy bộ dạng của ai đó, giả làm thân nhân của khách tới dự buổi cầu hồn làm khách hân hoan mừng rỡ, thành tâm tin đó là thân quyến đã quá vãng nay trở về để gặp họ cùng cho hay có sự sống bên kia... Phải chi họ biết được sự thật, phải chi họ tin ! Nếu họ thấy như tôi hay thấy, rằng nó là một sinh vật quái dị không có hình dạng chộp lấy một người khách trong buổi cầu hồn, quần trùm họ như cái khăn phủ màu đen và chậm chạp biến mất vào thân hình của khách, như thấm qua các lỗ chân lông. Những vỏ này tiếp tục sống nhờ sinh lực của hàng trăm khách đến xem và của người đồng. Nhờ sự chỉ dẫn của Chân sư tôi nhận thấy:

* Những hình thật hiện ra ở trại Eddy là vong linh của người đã sống và qua đời trong vùng núi này.

* Hình của ai chết ở xa hơn thì hiện ra không trọn vẹn, có trộn lẫn với hình ảnh còn vương vấn trong hào quang của khách mà cái vỏ muốn hiện ra cho thấy.

* Hình giả mạo hoàn toàn, tức không phải những vỏ kích thích thể của người đồng, mà thể của họ đồng hóa một cách vô thức với hình ảnh của thân nhân hay bạn hữu đã khuất chứa trong thể của khách đến xem.

Cảnh tượng thật ghê sợ nhưng khách lại òa khóc vì mừng rỡ sung sướng, tưởng thật là gặp lại thân quyến làm tôi tủi lòng cho họ. Tôi hay ước phải chi họ biết hình giống thân nhân này chỉ thuần là những đăm mê thuộc cõi trần, tật xấu, tư tưởng phàm tục, cặn bã còn sót lại của thân nhân, cái không thể lên cõi thanh chỗ của tâm linh và linh hồn, bị thải ra trong bầu không khí trần tục và là cái mà người đồng thấy. Những hình hiện ra có thể giống hình của người đã khuất nhưng không phải là linh hồn họ, mà chỉ là hiện tượng do vỏ tạo ra.

Ta ghi nhận rằng HPB có phân biệt rõ ràng giữa linh hồn người đã khuất và cái vỏ họ bỏ lại ở cõi tinh cảm. Theo tiến trình tự nhiên của sự sống, con người chết lần thứ nhất ở cõi trần khi rời bỏ xác thân và bước qua cõi tinh cảm, sau một thời gian ở đó ta "chết" lần thứ hai khi rời cõi này để sang cõi trí, bỏ lại thể tinh cảm ở cõi

trung giới. Thế tinh cảm khi ấy thành cái vô, ngôi nhà bỏ không vô chủ, trôi vật vờ nơi đây, có thể làm linh hoạt nhờ năng lực của đồng cốt và khách dự buổi cầu hồn.

Giống như nhiều việc khác HPB làm, không phải ngẫu nhiên mà bà đến trại Eddy xem hiện hình, hay tính cờ gặp ông Olcott mà ghi rằng mình được lệnh tới đây với ít nhất hai mục đích:

- Thứ nhất là để gặp và làm quen với ông Olcott
- Thứ hai là để hỗ trợ phong trào Thông linh học.

Điều sau nên được nói rõ. Ta sẽ thấy mục tiêu của HPB và Thông linh học khác nhau rất xa, HPB muốn truyền bá MTTL và chống đối mạnh mẽ việc tìm cách liên lạc với người đã khuất, bà chủ trương phát triển thiên tính của con người mà không chú trọng đến việc tạo hiện tượng, là những điều mà Thông linh học quan tâm muốn nghiên cứu. Tuy nhiên trong giai đoạn đầu HPB tham dự phong trào Thông linh học để kêu gọi thế giới chú ý đến cõi vô hình và những quyền năng huyền bí (tuy nó không huyền bí cho ai biết luật), bênh vực sự thật trong những khám phá của khoa này, nhằm làm đảo ngược khuynh hướng duy vật của con người lúc đó. Vì thế bà tạo ra hiện tượng trong buổi cầu hồn như ta thấy, lên tiếng ủng hộ người đồng khi biết họ chân thật và bị kẻ khác tấn công vì ác ý hay thiếu hiểu biết, cùng giúp Thông linh học tránh nguy cơ mà họ chưa biết. Đó là vì một số người lợi dụng lòng tin thiếu hiểu biết của công chúng để trục lợi cá nhân, khiến Thông linh học bị mang tiếng, giới trí thức bác bỏ bằng chứng về cõi vô hình và quyền năng chưa được giải thích. Thế nên tuy bênh vực sự thật về Thông linh học, phần việc khác của HPB còn là trung ra sự giả mạo nếu có khi nó bị lợi dụng.

Công chúng rất tò mò về các hiện tượng nên các bài tường thuật trên báo của ông Olcott được chăm chú theo dõi. Mức độ chú ý cao khiến ông viết chuyện thành sách, và những bài báo được HPB dịch sang tiếng Nga để đăng tại Moscow. Mặt khác HPB tạo thêm nhiều hiện tượng cho thân hữu xem, dần dần ông Olcott khám phá rằng khác với người đồng bình thường bị vong linh chế ngự và làm theo ý muốn của chúng, HPB kiểm soát tinh linh sai khiến chúng thực hiện ý bà như tạo việc hiện hình, nói khác đi không có vong linh mà hình hiện ra là do tinh linh tạo nên tuy người dự không phân biệt được. Khách đến chơi với HPB có thể đặt câu hỏi và được trả lời bằng tiếng gõ, thấy hiện hình, bắt tay được với hình, sờ được cả râu tóc, đầu của hình có nghĩa đó là thể đặc mà không phải như sương khói. Có lần ông Olcott tháo nhẫn đưa cho hình, muốn họ giữ trong tay một lúc để ông có kỷ niệm về buổi cầu hồn. Đáp lại hình tỏ ý muốn giữ luôn nhẫn khiến ông không vui, vì nhẫn có giá trị cũng như ông không có ý định tặng nhẫn cho vong linh không có thân hình chỉ có đầu và tay. Tối đến khi vào giường ông thấy nhẫn được đặt trên gối nguyên vẹn không suy suyến.

Ta ghi lại những chi tiết trên để nói rằng đây là hiện tượng có thật xảy ra trước mặt nhiều nhân chứng ngoài ông Olcott. Tính xác thực của nó còn được bảo đảm qua tư cách của ông, vì đã từng thực hiện một số cuộc điều tra trước kia ông thông thạo tâm lý và kỹ thuật lường gạt, nhận biết có dối trá hay không. Mỗi buổi cầu hồn ông và khách tham dự có những biện pháp hoặc để ngăn ngừa không có giả mạo, hoặc để khám phá nếu có; ta không đề cập chúng ở đây nhưng nếu muốn đọc giả có thể tìm hiểu thêm trong sách *Old Diary Leaves* by H.S.Olcott

Mục đích nhắm tới của các Chân sư là khiến thế giới lưu tâm đến cõi vô hình qua hiện tượng đồng cốt, và sau đó đi tới triết lý giải thích sự việc. Thông linh học được các ngài hỗ trợ vì nó được sự chú ý của những đầu óc trí thức và khoa học lúc bấy giờ, đây là tầng lớp mà các ngài muốn ảnh hưởng với hy vọng họ có nghiên cứu khoa học vấn đề tâm linh. Để thực hiện việc này, nương theo cơ hội lúc bấy giờ HPB lập *Société Spirite* tại Cairo nhưng chuyện không thành như ta đã thấy. Nay sang Hoa Kỳ HPB cố gắng lần nữa, khi có đồng cốt làm giả mạo hiện tượng gạt người đến xem và bị phác giác làm dư luận sôi nổi, làm mất uy tín của thông linh học khiến nó bị cười chê, bà lên tiếng trên báo biện hộ cho những đồng cốt đứng đắn và hiện tượng thực của họ tạo ra. Bà viết trong tập ký sự:

- Tôi được gửi tới nước này để trưng ra Chân Lý xuyên qua Thông linh học, và bốn phận của tôi là tổ lộ nó là gì cùng vạch rõ nó không là điều chi. Tôi e ngại không chừng đã tới đây quá sớm 100 năm trước khi thuận tiện vì tình trạng hoang mang hiện giờ của tâm trí người, bởi có vẻ như mỗi lúc người ta mỗi quan tâm đến vàng hơn là đến chân lý, lời phản đối và nỗ lực yếu ớt của tôi sẽ không có ảnh hưởng nào. Dầu vậy, tôi luôn sẵn sàng để nhập cuộc trận chiến lớn lao, và chuẩn bị đầy đủ để chấp nhận bất cứ hậu quả nào có thể đến... Thông linh học với hình thức hiện giờ cần phải chấm dứt không cho đi sâu hơn và hướng sang đường lối khác. Trong thế kỷ này những huyền tưởng và lý thuyết sai lạc của một số nhà thông linh học thật đáng xấu hổ...

Tôi được gửi từ Paris tới đây để chứng tỏ về các hiện tượng, rằng chúng là thực tại, và cho thấy sự sai lầm của lý thuyết thông linh học về 'linh hồn'. Nhưng làm cách nào để tôi có thể thực hiện việc ấy theo cách tốt nhất? Tôi không muốn ai ai cũng biết là tôi có thể tạo ra hiện tượng y như đồng cốt nhưng theo ý mình, vì tôi nhận được lệnh ngược lại. Tuy nhiên tôi phải giữ cho thực tại sống động trong tâm những ai theo duy vật nay quay sang theo thông linh học, giữ vững tính chân thực và tính khả hữu của hiện tượng. Chỉ vì vài đồng cốt giả mạo và bị vạch trần mà những người này có thái độ hoài nghi trở lại. Đó là lý do tại sao tôi đến dự những buổi cầu hồn, giúp Chân sư M và nhờ quyền năng của ngài làm hiện hình, tạo hiện tượng, khiến người theo thông linh học nói chung tin đồng cốt làm ra việc ấy... Tôi có làm sai chăng?... nhưng tôi phải cứu vãn tình trạng... Thế giới chưa được chuẩn bị để hiểu triết lý của huyền bí học, trước hết hãy để họ tự xác quyết rằng có sinh linh trong thế giới vô hình, dù là "linh hồn" của người đã khuất hay tinh linh; và rằng có những quyền năng ẩn tàng trong con người, cái có thể biến họ thành Thượng đế trên mặt đất.

Khi tôi mất đi trên cõi đời này, có lẽ người ta sẽ nhận ra động lực vô tư lợi của tôi. Tôi đã hứa dành đời mình trợ giúp con người thấy được Chân Lý, và tôi sẽ giữ lời. Hãy để xã hội cười chê và nhạo báng tôi, để có người gọi tôi là đồng cốt và theo thông linh học, và người khác gọi tôi là kẻ mạo danh. Sẽ tới ngày hậu thế hiểu tôi rõ hơn.

Chân sư M ra lệnh thành lập một hội, hội kín giống như hội Rosicrucian. Ngài hứa sẽ trợ giúp.

Những lời này viết khoảng tháng 3-1875.

Tháng 6-75, thư của bà cho thân hữu có đoạn:

- Sắp tới lúc thông linh học phải quét sạch những dẫn giải sai lạc, nhầm lẫn, những điều mê tín và ý tưởng dốt nát... Nó phải được trưng ra cho thấy như là một khoa học, một luật trong thiên nhiên... (mà không phải) sự đùa giỡn của lực và vật chất mù quáng.

Ngoài việc gây uy tín cho phong trào thông linh học bằng cách tạo hiện tượng ở những buổi cầu hồn và lên tiếng bênh vực đồng cốt chân chính, HPB còn viết bài cho báo chí New York về hiện tượng đồng cốt, việc siêu hình, hỗ trợ cho tạp chí về thông linh học qua bài viết và đóng góp tài chính. Bà chọn báo *The Spiritual Scientist* để góp sức vì cho rằng nó khá hơn cả trong những tạp chí về thông linh học lúc bấy giờ. Có vẻ như ông Elbridge Gerry Brown chủ bút tạp chí *The Spiritual Scientist*, được thí nghiệm là nhân vật thứ ba ngoài HPB và ông Olcott cho việc phong trào Theosophia xuất hiện trở lại (ta nói "trở lại" vì phong trào này đã có từ lâu và tái hiện đều đặn dưới hình thức này hay hình thức khác, trong thế kỷ 19 đó là hội Theosophia, và "thí nghiệm" vì sau đó ông Brown bỏ cuộc còn ông Olcott kiên trì). HPB và ông Olcott nhận được thư của các Chân sư đề nghị họ làm hai việc trên, và kêu gọi người ta mua báo năm để ủng hộ tạp chí. Tờ báo trong một khoảng thời gian từ tháng tư - 1875 đến tháng 9-1878, trở thành phương tiện cho nỗ lực của HPB nhằm cải tổ thông linh học tại Hoa Kỳ, với việc đánh động khiến công chúng ý thức rằng khoa này cần một triết lý để giải thích hiện tượng. Tờ báo

vỡ nợ tháng 9-1878, chẳng những thiếu HPB và ông Olcott một số tiền mà ông Brown còn tạo sự bất hòa với hai vị.

Betanelly.

Ta có đi trước thời gian một chút, nay trở lại năm 1875 bài viết của ông Olcott trên báo về hiện tượng ở trại Eddy có nhắc đến HPB, khiến một người Nga tên Michael C. Betanelly liên lạc với ông ngỏ ý muốn được tiếp xúc với HPB. Ông bày tỏ lòng ngưỡng mộ rồi sau một thời gian muốn thành hôn với bà. HPB tin ông Nikifor Blavatsky đã qua đời và nay mình là góa phụ do thư của Vera từ nhà cho biết, nhưng bà từ chối nhiều bận đề nghị của ông Betanelly. Ông Olcott nhận xét ông Betanelly trẻ tuổi hơn HPB, trình độ trí thức thấp hơn, nghề nghiệp chưa vững (thương nghiệp xuất nhập cảng của ông Betanelly chỉ mới lập) nên hẳn HPB phải điên mới nhận lời lập gia đình.

Tuy nhiên HPB giải thích là ông Betanelly theo đuổi bà quá mức, thề thốt rằng hết sức thần phục khả năng trí tuệ của bà, chỉ muốn được chăm lo bà mà không hề nghĩ có đời sống vợ chồng, khiến HPB cuối cùng tin lời và thuận theo, nhưng đặt điều kiện là bà vẫn giữ tên của mình, hoàn toàn độc lập về mọi mặt và không chịu một ràng buộc nào. Việc diễn ra khoảng tháng ba hay tư 1875 đến khoảng tháng 7-1875 cuộc hôn nhân tan rã, do việc ông Betanelly không giữ đúng những lời cam kết. HPB phẫn trần với ông Olcott rằng trọn câu chuyện không thể tránh được, ông Betanelly và bà có karma chung không sao tháo gỡ. Cuộc hôn nhân là sự trừng phạt cho lòng kiêu ngạo tẻ hại và tính háo chiến, điều làm ngăn trở sự tiến hóa tâm linh của HPB. Ngoài ra còn một đề nghị giải thích sự kiện theo cách khác, bạn có thể đọc thêm trong những sách ở cuối bài.

Trong thời gian này nhiều hiện tượng xảy ra quanh các nhân vật kể trên, xin ghi lại đây hai chuyện làm thí dụ. Ông Olcott nhận thấy nhà HPB không đủ khăn lau tay mới mua vài mang về, cắt thành khăn. HPB không viên mà để y vẩy đem ra dùng. Khi ông Olcott phản đối thì HPB vui vẻ ngồi xuống lấy kim chỉ, nhưng mới bắt đầu thì chân bà đá mạnh dưới bàn và nói:

- Đồ điên, ra chỗ khác chơi.
- Chuyện gì thế ? ông Olcott hỏi. HPB đáp:
- Tinh linh kéo áo tôi muốn có việc để làm.
- Số dách ! ông Olcott reo lên, để nó viên khăn giúp mình bà dành làm chi, đường kim mũi chỉ của bà coi tệ quá.

HPB cười to và chê trách ông ăn nói không thuận tai chút nào. Ban đầu bà không thuận nhưng rồi xiêu lòng chịu nghe theo lời, bảo ông đặt khăn và kim chỉ vào tủ sách ở đầu kia gian phòng, khóa cửa kính của tủ lại. Ông làm y vậy xong trở lại ghế ngồi gần HPB, hai người trò chuyện đề tài bất tận mà họ ưa thích là huyền bí học. Chừng 15, 20 phút sau nghe có tiếng chít nhỏ như chuột kêu ở dưới bàn, HPB bảo rằng "vật quái quỷ" (a nuisance) đã làm xong khăn. Ông mở khóa cửa tủ sách thấy quả thực 12 khăn đã được viên xong, đường chỉ vụng dại như của trẻ nhỏ mới học may. Lúc đó trời sáng rõ khoảng 4 giờ chiều, và trong lúc việc diễn ra HPB ngồi một chỗ không hề đến gần tủ.

Chuyện thứ hai là do công việc, ông Olcott từ New York đến Philadelphia và ngụ nơi đó vài ngày. Ông ra bưu điện Philadelphia để xin chuyển thư từ New York về địa chỉ ở Philadelphia, chiều cùng ngày ông nhận được thư thẳng từ tay người phát thư. Bình thường lá thư có hai con dấu, một của bưu điện nơi nhận thư và một nơi phát thư, khi có chuyển thư như yêu cầu của ông Olcott thì trên thư sẽ có ba con dấu, một sẽ là nơi thư gửi đi, hai là dấu nhận của New York và ba là dấu của Philadelphia nơi thư được chuyển về. Tuy nhiên những thư trên tay ông chỉ có một là chỗ gửi thư mà không có dấu New York. Làm sao nhân viên bưu điện biết ông đi Philadelphia

để chuyển thư. Chưa hết, khi mở thư ông thấy bên lề và ở những khoảng trống của thư có lời nhận xét về nội dung thư và người viết.

Miracle Club

Nỗ lực thứ ba của các Chân sư và HPB trong việc giảm bớt khuynh hướng duy vật là qua ông Olcott thành lập một hội chuyên nghiên cứu về phép lạ, mang tên "The Miracle Club" vào tháng 5-1875. Theo ông dự định của hội là thu hút những người có thành đạt trong khoa học và những ngành khác, chọn lọc hội viên trong số người nộp đơn để bảo đảm với công chúng là việc nghiên cứu của hội đáng tin. Mọi hiện tượng, hiện hình sẽ diễn ra ở chỗ sáng sủa không có tử nào.

HPB ghi nhận xét về tin này trong tập ký sự:

- Được lệnh khởi sự cho công chúng hay sự thực về hiện tượng và đồng cốt. Nay tới lúc tử vi đạo ! Tất cả ai theo thông linh học sẽ chống lại tôi, cộng thêm với tín đồ Thiên chúa giáo và kẻ hoài nghi. Xin cho ý Chân sư được trọn.

Khó khăn mà HPB phải đối đầu và đau khổ phải gánh chịu hiển nhiên sẽ đến vì theo quan điểm của phong trào thông linh học, HPB tạo hiện tượng khuyến khích mọi người tin có thể giới vô hình, người chết trở về và nay quay 180 độ, tuyên bố rằng đó không phải là linh hồn người đã khuất, tất cả do tinh linh mà ra và ta chớ nên cầu hồn ! Nhưng ta nên nhớ rằng tuy sinh ra hiện tượng, bà không hề nói đó là người chết thực sự trở về.

HPB nói rằng đó là lý do tại sao Ấn giáo và Phật giáo khuyến cáo về những ảnh hưởng tai hại của việc liên lạc với người đã khuất. Ngoài ra một lý do căn bản mà MTTL không khuyến khích việc có tiếp xúc giữa người sống và ai qua đời, là hành động ấy lôi cuốn người sau vào thế giới của chúng ta với bao đau khổ, tàn bạo, khiến đời sống sau khi chết trở thành địa ngục mà không phải là thiên đàng. Linh hồn cần sự bình an và ngơi nghỉ về mặt tâm linh giữa hai kiếp sống. Tuy nhiên nó không có nghĩa là chúng ta bị cắt đứt hoàn toàn với thân nhân đã chết, bà viết:

- Chúng ta ở gần với họ lúc này hơn bất cứ khi nào lúc họ còn tại thế... vì tình thương thanh khiết tuy phát xuất từ tâm người nhưng có gốc rễ từ sự hằng hữu... Tình thương sau khi ai qua đời có mãnh lực thiêng liêng và kỳ lạ tác động lên người còn sống, dù bạn cho đó là huyền tưởng. Nó thể hiện trong giấc mơ của ta và thường khi qua những sự việc khác nhau, như có sự che chở và thoát hiểm lạ lùng, bởi tình thương là cái mộc bảo vệ mạnh mẽ không bị giới hạn bởi thời gian và không gian. Nhân quả sẽ mang lại với nhau những ai thương yêu nhau có tình thân ái tình thân để tái sinh lần nữa vào cùng gia tộc.

Giống như *Société Spirite* tại Cairo, Miracle Club muốn người đồng để làm hiện tượng nhưng cũng không thành. Tối ngày 7-9-1875 có buổi họp mặt thân hữu tại nơi cư ngụ của HPB bàn về những hiểu biết cổ xưa đã thất truyền của Ai Cập, ông Olcott nảy ra ý nghĩ lập một hội để theo đuổi việc tìm hiểu và quảng bá hoạt động như vậy, ông viết giấy nhờ ông Judge trao cho HPB đọc, bà gật đầu đồng ý nên ông đứng lên trình bày. Mọi người chấp thuận và sau những thủ tục là tới việc chọn tên hội. Chuyện kể rằng một trong những người hiện diện tìm trong tự điển được chữ "Theosophy" và nó được dùng làm tên hội, nhưng ta cũng có mặt khác của chuyện. Ấy là chữ "Theosophy" đã được HPB dùng từ tháng 2-1875 trong thư gửi cho thân hữu, và vào tháng 7-1875 bà ghi trong tập ký sự.

- Nhận lệnh từ Ấn Độ chỉ thị việc lập một hội triết lý-tôn giáo và chọn tên cho nó.

Những buổi họp kế tiếp được dành cho việc bầu ban chấp hành với ông Olcott được chọn làm hội trưởng, thảo nội quy, chọn nơi họp, nhận hội viên và tới ngày 17-11-1875 với bài diễn văn khai mạc của ông hội trưởng, hội được chính thức thành hình.

Lý Do Thành Lập Hội.

Nhiều năm về sau ông Olcott lưu ý hội viên là khi ấy hội không có ba mục đích như ta biết ngày nay, tinh huynh đệ đại đồng không được nêu ra vì ý tưởng lập hội phát sinh từ bài nói chuyện tối ngày 7-9-1875 ghi ở trên. Xét về mọi mặt thì hội phát triển dần dần tùy theo hoàn cảnh và những lực đối nghịch, đường hướng chung vẫn giữ, động lực hướng dẫn vẫn y vậy nhưng chương trình được thay đổi, mở rộng và cải thiện theo với kinh nghiệm và có hiểu biết hơn. Chương trình được hoạch định sẵn nhưng chi tiết để cho người trong hội tự soạn theo khả năng của mình. Tới năm 1878 tinh huynh đệ đại đồng mới trở thành một mục đích của hội.

Vậy thì lúc ban đầu hội được xem như là tổ chức thu thập và truyền bá hiểu biết, tư tưởng triết lý cổ xưa và MTTL, nghiên cứu bí truyền. Đó là mục tiêu của đa số người hiện diện trong buổi tối thành lập hội, tuy nhiên còn một mục tiêu khác chỉ HPB biết mà giữ kín, phải đến năm 1886 mới ghi cho mọi người rõ:

1. Tạo một tinh huynh đệ đại đồng không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, phái tính, giai cấp hay màu da.
2. Khuyến khích việc học hỏi và đối chiếu Tôn Giáo, Triết Lý và Khoa Học.
3. Học hỏi những triết lý của đông phương, chính yếu của Ấn Độ và từ từ trình bày nó cho công chúng qua sách vở giải thích các tôn giáo công truyền theo hiểu biết từ những chỉ dạy bí truyền.
4. *Đối kháng lại chủ trương duy vật và óc tín điều về thần học bằng mọi cách, qua việc biểu diễn sự hiện hữu của những lực huyền bí mà khoa học không biết trong thiên nhiên, và sự hiện diện những quyền năng tâm linh và tinh thần trong con người. Cùng lúc ấy nỗ lực mở rộng quan điểm của người thông linh học bằng cách cho họ thấy rằng còn có nhiều tác nhân khác sinh ra hiện tượng ngoài 'vong linh' của người chết. Mê tín phải được phơi bày và tránh hẳn, và biểu diễn bằng trọn khả năng của chúng tôi cho thấy những lực huyền bí—lành và không lành—hằng bao quanh chúng ta và lộ ra sự hiện diện của chúng bằng nhiều cách.*

Năm 1886, trong thư cho một hội viên ông Hartmann HPB thêm nhiều chi tiết khác:

- Tôi được chủ tâm gửi đến Hoa Kỳ và trại gia đình Eddy. Ở đó tôi gặp ông Olcott rất mê say với chuyện về vong linh, và về sau quý yêu Chân sư nồng nhiệt y như vậy. Tôi được lệnh làm cho ông hiểu là những hiện tượng thông linh mà không có triết lý bí truyền đi kèm thì đầy nguy hiểm và sai lạc. Tôi chứng tỏ cho ông thấy rằng tất cả những gì người đồng có thể làm qua vong linh thì người khác có thể tự ý làm mà không cần vong linh nào cả; rằng ai trong thể xác mà có khả năng sử dụng những phần của thể tinh cảm sẽ có thể sinh ra tiếng chuông, đọc được ý nghĩ, tạo tiếng gõ và hiện tượng vật chất, và tôi có khả năng ấy từ hồi bốn tuổi như gia đình tôi biết rành. Tôi có thể làm cho bàn ghế chuyển dịch, và khiến đồ vật có vẻ như biết bay, cánh tay bằng thể tinh cảm của tôi cầm những vật này nhưng không ai thấy vì vô hình. Những điều này diễn ra ngay cả trước khi tôi gặp Chân sư.

Tôi nói cho ông Olcott hết mọi điều, bảo ông rằng tôi có biết các vị Chân sư, Đạo sư không những ở Ấn Độ và quá Ladakh, mà còn ở Ai Cập, Syria, vì ngày nay vẫn có các Chân Sư nơi ấy. Lúc bấy giờ danh hiệu 'Mahatma' của các ngài chưa được biết vì nó chỉ được gọi như thế ở Ấn Độ. Các Chân sư được gọi bằng nhiều

đánh hiệu khác nhau tùy theo các nơi, thường không lên tiếng, tránh ra mặt, giữ kín sinh hoạt và chưa hề tỏ lộ chính mình cho ai khác trừ phi họ làm như tôi đã làm, là trải qua bảy hay mười năm thử thách, chúng tỏ hết lòng tuyệt đối và giữ kín miệng ngay cả khi có thể gặp cái chết và bị đe dọa sẽ mất mạng. Tôi làm tròn những điều kiện và tôi trở thành như ngày nay...

Trọn cái tôi được phép nói là —Chân IL. Bên kia dãy Hy Mã Lạp Sơn có một rung tâm gồm nhiều Chân sư thuộc các quốc gia khác nhau và vị Ban Thiên Lama (Teschu Lama) biết các ngài. Tất cả các ngài cùng nhau làm việc, một số vị hành động chung với đức Ban Thiên Lama nhưng các vị lama trung bình mà đa số là người dốt nát, không biết con người thật của các ngài. Thầy của tôi và đức K.H. cùng một số vị tôi quen biết rõ, sống nơi ấy. Tất cả các ngài thường xuyên tiếp xúc với những Đạo sư tại Ai Cập và Syria, ngay cả ở Âu châu.

Tôi là người đầu tiên tại Hoa Kỳ làm cho công chúng biết về sự hiện hữu của các Chân sư, và trưng ra danh hiệu đáng quý trọng của hai vị trong đại đoàn huynh đệ mà từ xưa đến nay Âu châu và Mỹ châu không biết, ngoại trừ một số Đạo sư mà thời nào cũng có. Những danh hiệu ấy được xem là thiêng liêng và đáng tôn kính trong khắp phương đông, đặc biệt ở Ấn Độ.

Thầy gửi tôi đến Hoa Kỳ để xem có thể làm gì hầu ngăn chặn khoa bói toán và tà thuật được người thông linh học thực hiện một cách vô thức. Tôi được mang đến gặp ông Olcott để làm thay đổi tư tưởng của ông và tôi thực hiện được việc ấy. Hội được thành lập rồi từ từ được làm cho hòa theo những chỉ dạy của triết lý bí truyền thuộc trường phái lâu đời nhất về ngành này trong trọn thế giới, một trường phái cải tổ mà cuối cùng đức Phật xuất hiện. Những chỉ dạy này không thể cho ra một cách đột ngột mà phải được gieo dần dần vào tâm.

Ông Olcott tin rằng nếu hội Theosophia không thành công thì sẽ có những người khác được sử dụng làm việc tương tự, giống như ông được cho cơ hội khi *Société Spirite* tại Cairo tan rã năm 1871. Nhìn theo cách đó thì từ năm 1871 đã có nhiều nỗ lực bằng cách này hay cách kia sinh ra một tổ chức nhằm trình bày MTTL, kể ra như sau:

- Société Spirite, Cairo, 1871.
- Tạp chí The Spiritual Scientist, New York, 1874.
- The Miracle Club, New York, 1875.

Cả ba vì lý do này hay kia bị thất bại, phải đến nỗ lực lần thứ tư là hội, New York, 1875 mục tiêu mới đạt được.

Đó là về phần hai vị sáng lập làm việc cho Chân sư. Nay về các ngài thì năm 1882, đức M viết về sự thành lập của hội:

- Một hay hai chúng tôi hy vọng rằng thế giới đã tiến khá xa về trí tuệ, nếu không phải là cũng tiến về trực giác, nên triết lý bí truyền có thể được giới trí thức chấp nhận và nên có động lực mở một chu kỳ mới về việc nghiên cứu huyền bí. Những vị khác nghĩ khác mà nay ý kiến đó thấy là khôn ngoan hơn, nhưng có đồng ý làm thử. Dầu vậy một điều kiện đặt ra là cuộc thử nghiệm phải độc lập với việc làm của chúng tôi và không được có sự can thiệp bất thường của chúng tôi.

Thế thì khi đi tìm người phụ tá chúng tôi tìm được ở Hoa Kỳ người có tư cách lãnh đạo, một người có sự can đảm đạo đức lớn lao, không ích kỷ, và những đức tính khác. Ông không phải là người toàn hảo nhất nhưng là ứng viên tốt đẹp nhất có được. Chúng tôi cho liên kết với ông một phụ nữ có những khả năng tuyệt diệu hết sức khác thường. Ngoài các điều này bà có một số khuyết điểm riêng đáng kể, nhưng không có người thứ hai nào ngoài bà thích hợp cho phần việc.

Chúng tôi gửi bà đến Hoa Kỳ, mang hai người lại với nhau và cuộc thử nghiệm khởi sự. Ngay từ phút ban